

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 03/2020/DS -ST

Ngày: 15/01/2020

(V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 265/2019/TLST- DS ngày 02/10/2019 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 11/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST - DS ngày 27/12/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng A.

Trụ sở chính: 130 đường B, phường C, Quận D Tp HCM.

Địa chỉ chi nhánh: 74 -75 -76 đường Đ, phường E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh F – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông F: Ông Nguyễn Thanh G – Chức vụ: Tổng Giám đốc (theo Quyết định số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Ông Nguyễn Hữu H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh (theo Quyết định số 325/QĐ-DAB-PC ngày 26/3/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Phạm Thị Trúc I – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý tín dụng (theo Giấy ủy quyền ngày 26/9/2019).

*** Bị đơn:** Ông Phan Đức J, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khu phố K, phường L, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khu phố K, phường L, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H, vắng mặt bị đơn và người liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/3/2016, Ngân hàng A có giải ngân khoản vay số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản thẻ số 010929XXXX của ông Phan Đức J, theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/3/2016, được ngân hàng duyệt vào ngày 23/3/2016 cho ông J vay 70.000.000 đồng, lãi suất: 9%/năm, thời hạn vay: 42 tháng (từ ngày 26/3/2016 đến ngày 26/9/2019), mục đích vay: vay tiêu dùng, biện pháp bảo đảm: không có tài sản đảm bảo. Thanh toán gốc và lãi 01 kỳ (hàng tháng) là 2.200.000 đồng, trễ hạn thanh toán chịu thêm lãi quá hạn, không trả nợ vay đầy đủ thì ngân hàng được quyền chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn trong ngày đó và chịu lãi suất phạt quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn.

Từ ngày vay (26/3/2016) ông J đã trả cho ngân hàng được 50.093.023 đồng tiền gốc và trả được 20.706.977 đồng tiền lãi. Ông J đã vi phạm hợp đồng không trả nợ gốc và lãi từ ngày 26/9/2018. Và tiền gốc, tiền lãi chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/9/2018.

Tại đơn khởi kiện ngân hàng đưa vợ ông J là bà Bùi Thị Ngọc M vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan đến vụ án và yêu cầu bà M phải liên đới trả nợ cùng với ông J. Ngân hàng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bà M là vợ hợp pháp của ông J nên nay ngân hàng xin rút không yêu cầu bà M phải liên đới trả nợ cùng với ông J, ngân hàng chỉ yêu cầu ông J trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông J phải trả các khoản nợ gồm: tiền gốc còn lại 19.906.977 đồng, tiền lãi trong hạn 1.343.023 đồng (tính từ ngày 26/3/2018 đến ngày 26/9/2019), tiền lãi quá hạn 4.058.372 đồng (tính từ ngày 26/9/2018 đến ngày 15/01/2020), tổng cộng là 25.308.372 đồng và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 16/01/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/3/2016, được ngân hàng duyệt ngày 23/3/2016.

* Bị đơn ông Phan Đức J và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc M có hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu phố K, phường L, thành phố Phan Thiết nhưng ông bà không hợp tác nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan là đúng theo qui định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Đức J có hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu phố K, phường L, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Phan Đức J cũng như bà Bùi Thị Ngọc M đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông J và bà M không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông J và bà M.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu không buộc bà Bùi Thị Ngọc M phải liên đới trả nợ cùng với ông J. Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2]Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhận thấy:

Theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (Dành cho CBCNV vay tiêu dùng tín chấp) ngày 16/3/2016 đã thể hiện, ông Phan Đức J có đề nghị Ngân hàng A chi nhánh Bình Thuận cho ông vay số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 23/3/2016 Ngân hàng A chi nhánh Bình Thuận duyệt cho ông J vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 42 tháng (tính từ ngày 26/3/2016 đến ngày 26/9/2019), tiền góp 01 kỳ 2.200.000 đồng. Theo đó Ngân hàng A chi

nhánh Bình Thuận đã giải ngân số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản thẻ số 010929XXXX của ông J ngày 26/3/2016. Ông J có ký xác nhận vào Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 26/3/2016 của ngân hàng.

Trong thời gian vay, ông J đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền 70.800.000 đồng (trong đó tiền gốc: 50.093.023 đồng, tiền lãi 20.706.977 đồng).

Xét thấy Ngân hàng đã giải ngân số tiền 70.000.000 đồng cho ông Phan Đức J vào ngày 26/3/2016 và ông J đã ký xác nhận nhận số tiền này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông J vẫn thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi hàng tháng cho Ngân hàng đầy đủ, nhưng kể từ ngày 26/9/2018 ông J không trả tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng nên số tiền gốc còn lại và lãi đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông J, ông có cam kết trả nợ nhưng ông không thực hiện. Như vậy, ông J đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết đã ký kết với ngân hàng, nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc J phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng A là đúng pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 19.906.977 đồng, tiền lãi trong hạn 1.343.023 đồng (tính từ ngày 26/3/2018 đến ngày 26/9/2019), tiền lãi quá hạn 4.058.372 đồng (tính từ ngày 26/9/2018 đến ngày 15/01/2020) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 16/01/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/3/2016, được ngân hàng duyệt ngày 23/3/2016.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông J phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;
- Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

- Buộc ông Phan Đức J phải trả cho Ngân hàng A số tiền 25.308.372 đồng (Hai mươi lăm triệu, ba trăm lẻ tám nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng, trong đó tiền gốc

là 19.906.977 đồng, tiền lãi trong hạn 1.343.023 đồng (tính từ ngày 26/3/2018 đến ngày 26/9/2019), tiền lãi quá hạn 4.058.372 đồng (tính từ ngày 26/9/2018 đến ngày 15/01/2020) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 16/01/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 16/3/2016, được ngân hàng duyệt ngày 23/3/2016.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Bùi Thị Ngọc M phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng A cùng với ông Phan Đức J.

3/ Án phí: Ông J phải nộp 1.265.418 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 560.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0028083 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Án xử công khai có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thôi

Lê Thị Kiều Thu

Phạm Phong Lan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thôi

Nguyễn Văn Đô

Phạm Phong Lan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan